TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2021
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Ngọc Dung.

2. Ông Trần Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Xuân D, sinh năm 1982. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh C .

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1980. (có mặt).

Cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Quách Xuân D trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2000 chị D và anh C tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn C.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Hương Q – sinh năm 2002 và Trần Phúc T – sinh năm 2007, khi ly hôn đối với cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu xem xét, cháu T có theo nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – anh Trần Văn C trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2000 anh C và chị D quen biết và tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyên, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh C đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Hương Q – sinh năm 2002 và Trần Phúc T – sinh năm 2007, khi ly hôn đối với cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu xem xét, theo nguyện vọng của cháu T thì anh C đồng ý giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Quách Xuân D trình bày yêu cầu: Chị D yêu cầu được xin ly hôn với anh C, Về con chung: Đối với Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, theo nguyện vọng của cháu T thì chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Lê Thanh Đồng xin vắng mặt xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào khoản năm 2000 chị D và anh C tiến đến hôn nhân, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của chị D và anh C, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, cả hai đều đồng ý ly hôn. Do chị D và anh C sống chung với nhau mà không đăng ký kết theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Xuân D và anh Trần Văn C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[1.2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Hương Q – sinh năm 2002 và Trần Phúc T – sinh năm 2007, chị D và anh C thống nhất khi ly hôn đối với cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, theo nguyện vọng của cháu T thì anh C đồng ý giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị D.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[1.3] Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Quách Xuân D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quách Xuân D và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phúc T – sinh năm 2007 cho chị Quách Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Quách Xuân D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, chị Duyên đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006432 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được khấu trừ, chị D đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn